TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24/7/2023
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và ông Nguyễn Ngọc Sâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk* tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2023/TLPT-HNGĐ ngày 19/6/2023 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 05/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thu D. (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường V, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ số H, lô D, số 220 đường T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị Thu D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2020 tại số nhà 06-A13 đường P, thôn M (Buôn D), xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông H uống rượu về gây sự. Về kinh tế: ông H lúc đầu có đưa tiền cho bà D để lo kinh tế gia đình, hai tháng đầu ông H có đưa được 6.000.000 đồng, còn sau đó thì ông H đưa cho bà D được 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng một tháng. Về con cái: sau khi bà D sinh con thì ông H thường xuyên gây sự, nói bà D không biết chăm con, trong khi đó chỉ có bản thân một mình bà D chăm con. Đến tháng 9/2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ông H chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại địa chỉ số 181/14/6 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại thời điểm sống ly thân, thì cháu Nguyễn Như A được hơn 3 tháng tuổi, cháu A ở với bà D, một mình bà D lo lắng chăm sóc cho cháu A. Nay bà D xét thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà D với ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà D và ông H có một con chung là Nguyễn Như A, sinh ngày 28/5/2021. Sau khi cháu A được 01 tuổi (tức đầu tháng 6 năm 2022), bà D và ông H có thỏa thuận miệng giao cháu A cho bà Phan Hoài Nhất A (Tên thường gọi là N) là chị họ ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì thời gian đó, có một mình bà D chăm sóc cháu A, lúc đó bà D không có nghề nghiệp, mà bà D cũng không còn tiền do ở nhà chăm con mất 01 năm. Hơn nữa, bản thân bà D chăm con có một mình nên mệt mỏi. Vì vậy, bà D và ông H thỏa thuận gửi cháu A chỗ bà N (là chị họ của ông H) để bà D ổn định công việc rồi về đón cháu A. Trong thời gian này, bà D đến thành phố Hồ Chí Minh mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng túi xách tại địa chỉ: Số 381B đường C, phường B, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập khoảng 50.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, ngày 15/01/2023 thì ông H đến nhà bà N đón cháu A về để trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện cháu A đang sinh sống cùng ông H. Nguyện vọng của bà D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2020 tại số nhà 06-A13 đường P, thôn M (Buôn D), xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về mâu thuẫn: Cuộc sống hạnh phúc được thời gian đầu đến tháng 8 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông H, bà D tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau không thể hàn gắn được nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng. Về kinh tế: Ông H đưa cho bà D 6.000.000 đồng một tháng. Ngoài ra, các khoản chi phí điện, nước thì ông H trực tiếp đóng. Tuy nhiên, bà D nói 6.000.000 đồng một tháng thì không đủ chi phí. Đến tháng 9/2021 thì vợ chồng

sống ly thân, ông H chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại địa chỉ: số 181/14/6 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay.

Nay bà D xét thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà D với ông H là vợ chồng, thì ông H đồng ý và không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án không công nhận ông H và bà D là vợ chồng.

- Về con chung, ông H và bà D có một con chung là Nguyễn Như A, sinh ngày 28/5/2021.

Sau khi cháu A được 06 tháng tuổi, thì bà D nói ông H đưa con về để nuôi dưỡng nhưng do cháu A còn nhỏ quá nên ông H có nói bà D nuôi cho bé được một tuổi rồi đưa lại cho ông H nuôi. Tuy nhiên, khi cháu A mới được 11 tháng tuổi thì cháu A bị bệnh sốt nên bà D có gọi điện cho ông H vào đưa cháu A đi khám bệnh rồi nói ông H đưa bé về chăm sóc luôn cho đến nay. Sau khi ông H đón cháu A về được một tháng thì bà D đi thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Kể từ khi ông H đón cháu về nuôi dưỡng thì bà D không về thăm nom và chăm sóc cũng như cấp dưỡng tiền để nuôi cháu A. Khi cháu A bị ốm, bà D cũng không gọi điện hỏi thăm cháu A cho đến bây giờ. Hiện cháu A vẫn đang sinh sống cùng ông H và do ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyện vọng của ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết giao con cho bà D nuôi dưỡng thì ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người làm chứng bà Phan Hoài Nhất A trình bày:** Bà Phan Hoài Nhất A là chị họ của ông Nguyễn Minh H. Vào khoảng tháng 5 năm 2022, cháu Nguyễn Như A bị ốm, ông H có nhờ bà Nhất A đi cùng để bế cháu Nguyễn Như A đi khám bệnh. Sau này, ông Nguyễn Minh H có việc bận thì gửi cháu Nguyễn Như A cho bà Nhất A chăm sóc, còn không có việc bận thì ông H là người trực tiếp chăm sóc cháu A. Bà D hàng tháng có gửi cho bà Nhất A khoảng 1.000.000 đồng, bà D chuyển khoản vào tài khoản của chồng bà Nhất A là Phan Quang D. Từ tháng 01 năm 2023 đến nay, ông H không gửi cháu A cho bà Phan Hoài Nhất A nữa.

- Tại bản án số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 28/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu D.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Thị Thu D và ông Nguyễn Minh H là vợ chồng.

- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 28/5/2021 cho bà Vũ Thị Thu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2023 bị đơn ông Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Như A cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữa nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông H là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng giao cháu A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/4/2023, đến ngày 10/5/2023 bị đơn ông Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 28/4/2023 là trong thời hạn luật

định, ngày 12/5/2023 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng quy định pháp luật, nhưng tại thông báo trên đã ghi sai tháng thành ngày 12/3/2023 là do lỗi đánh máy, dẫn đến biên lai nộp tạm ứng án phí ghi nội dung thu TƯAP theo yêu cầu thu số TB ngày 12/3/2023. Tuy nhiên, ông H cũng đã thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định nên việc thông báo bị sai tháng không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các bên đương sự.

[2.1] Xét yêu cầu của bà D thấy rằng: Ông H, bà D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2020 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Như A, ngày 28/5/2021; tháng 9/2021 hai bên xảy ra mâu thuẫn ông H chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ và ly thân bà D cho đến nay. Tại thời điểm sống ly thân, cháu A mới trên 03 tháng tuổi vẫn do bà D một mình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến tháng 6/2022, bà D gửi con cho bà Phan Hoài Nhất A (là chị họ ông H) chăm sóc, nuôi dưỡng để đi tìm kiếm việc làm đồng thời đều đặn hàng tháng bà D gửi cho bà A số tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.300.000 đồng/tháng để nuôi cháu A (tính từ tháng 6 đến tháng 12/2022 gửi được 6 tháng); đến tháng 01/2023 ông H đón cháu A về chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Xét thấy, ngay trong tháng 01/2023, sau khi biết ông H đón con về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà D đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Như vậy, có căn cứ khẳng định từ khi sinh con cho đến khi cháu A 01 tuổi người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A là bà D, sau khi cháu A được 01 tuổi bà D phải đi tìm kiếm việc làm và trong thời gian 06 tháng gửi con cho người khác chăm sóc bà D vẫn thực hiện nghĩa vụ chu cấp tiền đều đặn hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.300.000 đồng. Ngoài ra, được chính quyền địa phương xác nhận "*sau khi ông H, bà D sống ly thân thì một mình bà D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và từ khi ông H đưa cháu A về địa phương sinh sống thì thỉnh thoảng vẫn thấy mẹ cháu A đến để thăm nom, chăm sóc con*". Do đó, lời khai nại của ông H cho rằng trong suốt thời gian bà D đi làm ăn xa tại thành phố Hồ Chí Minh, bà D không liên lạc, không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con là không có căn cứ.

Xét các điều kiện của bà D, thấy: Bà D hiện làm nghề kinh doanh đồ gia đình, quần áo may sẵn, túi xách, nữ trang, mắt kính, có địa điểm kinh doanh (Bl 63 - Hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh), được phòng tài chính-kế hoạch Ủy ban nhân dân quận M, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 50.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định (BL53 - Hợp đồng thuê căn hộ chung cư); bà D là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 359, tờ bản đồ số 101, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số CS 185966, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Hoàng Phượng Hồng Q ngày 05/12/1019, được thay đổi cơ sở pháp lý cho bà D 15/9/2020 (nhận chuyển nhượng); bà D còn có một sổ tiết kiệm với số tiền 500.000.000 đồng. Hơn nữa, cháu A là con gái nên cần thiết phải có sự giáo dục, quan tâm, chăm sóc cả về thể chất và tinh thần để phát triển một

cách toàn diện, việc giao con gái cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp hơn. Ngoài ra, quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm ông H xác nhận trường hợp Tòa án giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông H tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A trưởng thành và tại khoản 3 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình quy định *"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*.

[2.2] Xét yêu cầu của ông H, thấy rằng: Ông H làm nghề thợ sơn, đang làm việc tại Công ty TNHH sửa chữa ô tô T theo hình thức khoán, có xác nhận bảng lương 9.000.000 đồng/tháng, từ thời điểm sống ly thân với bà D cho đến nay ông H cùng cháu A về sống chung với bố mẹ đẻ của ông H và cháu A cũng được ông H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Do đó, ông H cũng đủ điều kiện được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Xét thấy, ông H, bà D đều có yêu cầu và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt con chung. Đây cũng là mong muốn, nguyện vọng chính đáng của bố mẹ đối với con. Tuy nhiên, như nhận định và phân tích tại [2.1], cháu A hiện dưới 36 tháng tuổi, là con gái, vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu A được phát triển toàn diện, lành mạnh về thể chất, tinh thần, trí tuệ và đạo đức nên cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu A cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), là phù hợp theo quy định tại Điều 2; khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Bản sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu A cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp.

Từ những phân tích nhận định trên [2] nhận thấy, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H. Cần giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Minh H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 8 Điều 28,; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu D.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Thị Thu D và ông Nguyễn Minh H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 28/5/2021 cho bà Vũ Thị Thu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2023.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0000172 ngày 08/02/2023.

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001986 ngày 15/5/2023.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền